

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 511/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 19/4/2018.
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh;
2. Bà Võ Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Ánh, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1644/2017/TLST– HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Số 40B, đường L, KP16, phường Đ, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Voòng Quốc C, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 5/50, đường Đ, KP1, phường Đ, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L trình bày: Bà với ông C quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 255 quyển sổ 01/2012 ngày 26/11/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do ông C không lo cho gia đình và hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân với nhau, bà L cho rằng không còn tình cảm với ông C nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Vợ chồng có 01 con chung tên Voòng Quốc K, sinh ngày 21/7/2013 hiện nay đang sống cùng với bà L; Ly hôn bà L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày vợ chồng không có.

* Tại bản tự khai bị đơn ông C trình bày: Ông thống nhất với bà L về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng, thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng như bà L khai là đúng, ông C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Vợ chồng có 01 con chung tên Voòng Quốc K, sinh ngày 21/7/2013 hiện nay đang sống chung với bà L; Ly hôn đồng ý cho bà L được nuôi con chung, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Ông C trình bày vợ chồng không có.

* *Tại phiên tòa:*

- Bà L yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi 01 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có.

- Ông C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông C; Giao cho bà L được nuôi con chung, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng:*

[1] - Nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông C. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] - Bị đơn Ông Voòng Quốc C, có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về nội dung vụ án:*

[3] - Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do vấn đề kinh tế trong gia đình và hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân với nhau; Mặc dù tại phiên tòa ông C không có mặt, nhưng tại bản tự khai ông cũng thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đồng ý ly hôn với bà L. Do đó, xét thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của bà L và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử, chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] - Về con chung: Vợ chồng bà L và ông C khai thống nhất có 01 con chung tên Voòng Quốc K, sinh ngày 21/7/2013 hiện nay đang sống với bà L; Ly hôn bà L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, ông C không có mặt tại

phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ông cũng đồng ý cho bà L được nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Do đó tiếp tục giao con chung tên Voòng Quốc K cho bà L được trực tiếp nuôi, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] - Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông C trình bày vợ chồng không có.

[6] *Phát biểu của Kiểm sát viên:* Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông C và giao cho bà L được nuôi con chung, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Việc đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Lê Thị Tuyết L được ly hôn với Ông Voòng Quốc C;

Giấy chứng nhận kết hôn số 255 quyền số 01/2012 ngày 26/11/2012 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh cấp, không còn giá trị.

- Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Voòng Quốc K, sinh ngày 21/7/2013 cho Bà Lê Thị Tuyết L được trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Voòng Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này, vì quyền lợi ích của con theo yêu cầu bà L và ông C hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông C trình bày không có.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01600 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên xem như xong.

- Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Tuyết L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Voòng Quốc C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phạm Việt Hải